TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**
Số: **177**/2017/QĐST- HNGĐ	*Thành phố Bến Tre, ngày 17 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 184/2010/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2010 giữa:

Nguyên đơn: Ông Ngô Văn Đ, sinh năm 1955.

Hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú: Ấp A, xã D, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Bà Phan Thị Thu L, sinh năm 1952.

Nơi cư trú: Ấp A, xã D, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Ngô Văn D, sinh năm 1979;

2. Bà Võ Thị Hồng P, sinh năm 1982.

Cùng nơi cư trú: Ấp X, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. Bà Trần Thị Minh T sinh năm 1977;

Nơi cư trú: Ấp A, xã D, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

4. Bà Trần Thị Minh C, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: phường 6, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn (07) bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Ngô Văn Đ và Phan Thị Thu L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Ông Đ và bà L cùng khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Các cây trồng và vật kiến trúc trên đất thuộc thửa đất 342, 340 cùng tờ bản đồ số 07 và thửa 115 tờ bản đồ số 11 cùng tọa lạc tại xã D, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre ông Đ và bà L thỏa thuận tổng giá trị tài sản là 270.976.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng, mỗi người nhận 1/2 giá trị tài sản trị giá là 135.488.000 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Bà L nhận hiện vật nên có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Đ số tiền là 135.488.000 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền trên nếu chưa thi hành thì bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong quyết định.

Ghi nhận bà Phan Thị Thu L rút yêu cầu, không tranh chấp đối với phần đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 733 tờ bản đồ số 01 (nay là thửa 224 tờ bản đồ số 16) tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre do hộ ông Ngô Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ghi nhận ông Ngô Văn Đ rút yêu cầu, không yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất thuộc các thửa đất số 342 tờ bản đồ số 7 do chị Trần Thị Minh C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa số 340 tờ bản đồ 7 và thửa thửa 115 tờ bản đồ số 11 do chị Trần Thị Minh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng tọa lạc tại xã D, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Các tài sản khác ông Đ và Bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Đ và Bà L cùng khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí hôn nhân: Ông Ngô Văn Đ tự nguyện chịu toàn bộ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 00016 ngày 04/10/2010 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, ông Đ được nhận lại 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự có giá ngạch đối với tài sản chung của vợ chồng:

Ông Ngô Văn Đ phải nộp là 3.387.000 đồng (ba triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0000226 ngày 17/5/2013 và 0010486 ngày 22/5/2014 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Ông Đ được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 3.660.000 đồng (ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

Bà Phan Thị Thu L phải nộp là 3.387.000 đồng (ba triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 0012450 ngày 01/8/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Bà L được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 1.613.000 đồng (một triệu sáu trăm mười ba nghìn đồng).

Các chi phí thu thập chứng cứ ông Đ, Bà L tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- UBND xã M, huyện G, Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Thanh Lan